

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 3640 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Thuận, ngày 27 tháng 12 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Đường trung tâm Khu đô thị Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 505/TTr-STNMT ngày 21 tháng 12 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Đường trung tâm Khu đô thị Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân như sau:

Stt	Loại đất	Hệ số chênh lệch giá đất thị trường/giá đất theo Bảng giá đất (Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND) để thực hiện bồi thường
<b>I. Đất ở</b>		
1	Mặt tiền đường 22/4 (đoạn từ đường Hùng Vương đến Quốc lộ 55)	2,0584
2	Mặt tiền các trục đường rộng $\geq 4m$ đến $< 6m$ (cách đường Cách Mạng Tháng Tám $\leq 100m$ )	2,6033
<b>II. Đất nông nghiệp</b>		
1	Đất nông nghiệp trong khu dân cư tiếp giáp mặt tiền đường Hùng Vương	6,8823
2	Đất nông nghiệp trong khu dân cư tiếp giáp mặt tiền đường 22/4	6,1013
3	Đất nông nghiệp trong khu dân cư (tiếp giáp mặt tiền đường $\geq 4m$ )	2,7094
4	Đất nông nghiệp trong khu dân cư (tiếp giáp mặt tiền đường $< 4m$ )	2,7918
5	Đất trồng cây lâu năm vị trí 2	3,3635
6	Đất trồng cây lâu năm vị trí 3	3,0475
7	Đất trồng cây hàng năm vị trí 2	3,5304
8	Đất trồng cây hàng năm vị trí 3	2,9050

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hàm Tân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Nguyễn Văn Phong;
- Lưu: VT, ĐTQH. Vinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phong**